

Số: 45 /KH-UBND

Côn Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2024

## KẾ HOẠCH

### Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi xã Côn Minh năm 2024

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Kế hoạch số 87/KH-UBND ngày 19/02/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bắc Kạn năm 2024; Kế hoạch số 09/KH-UBND ngày 09/01/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Na Rì về triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Na Rì giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định 5788/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Na Rì về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2024, Kế hoạch số 62//KH-UBND ngày 27/02/2024 của UBND huyện Na Rì về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Na Rì năm 2024. Ủy ban nhân dân xã ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2024 (sau đây gọi tắt là Chương trình) như sau:

## I. MỤC TIÊU, PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG

### 1. Mục tiêu

#### 1.1. Mục tiêu tổng quát

Tập trung chỉ đạo, triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình nhằm khai thác tiềm năng, lợi thế của địa phương, đẩy mạnh phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội; giảm nghèo bền vững; giảm dần số thôn đặc biệt khó khăn; xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc, nâng cao niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể năm 2024: Chi tiết theo phụ biểu đính kèm.

### 2. Phạm vi, đối tượng

2.1. Phạm vi thực hiện: Trên địa bàn các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS&MN), trong đó ưu tiên nguồn lực của Chương trình đầu tư cho các thôn đặc biệt khó khăn, xã an toàn khu (ATK) thuộc vùng đồng bào DTTS&MN.

#### 2.2. Đối tượng thực hiện

- Thôn vùng đồng bào DTTS&MN.
- Hộ gia đình, cá nhân người dân tộc thiểu số (DTTS).
- Hộ gia đình, cá nhân người dân tộc Kinh thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo sinh sống ở xã, thôn đặc biệt khó khăn.
- Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, các tổ chức kinh tế hoạt động ở địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn.

(Phạm vi, đối tượng, nội dung cụ thể của các dự án, tiểu dự án, nội dung Chương trình quy định tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 và Thông tư số 02/2023/TT-UBDT ngày 21/8/2023 của Ủy ban Dân tộc và hướng dẫn của các Bộ, ngành liên quan).

## **II. NỘI DUNG, NHIỆM VỤ CÁC DỰ ÁN THÀNH PHẦN CỦA CHƯƠNG TRÌNH**

### **1. Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt (kế hoạch vốn: 118.000.000đ)**

- Nội dung 1 (Hỗ trợ đất ở): Không thực hiện do không có quỹ đất.
- Nội dung 3: Hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề.

Hộ gia đình thuộc đối tượng theo quy định của nội dung Dự án được hưởng một trong hai chính sách sau:

- + Hỗ trợ trực tiếp đất sản xuất: Không thực hiện do không có quỹ đất.
- + Hỗ trợ chuyển đổi nghề: Hỗ trợ 04 hộ ở các thôn đặc biệt khó khăn (kế hoạch vốn 40.000.000đ)

Trường hợp chính quyền địa phương không bố trí được đất sản xuất thì hộ không có đất hoặc thiếu trên 50% đất sản xuất được hỗ trợ chuyển đổi nghề.

- Nội dung 4: Hỗ trợ nước sinh hoạt.
- + Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán: Hỗ trợ 26 hộ trên địa bàn 06 thôn kế hoạch vốn thực hiện 78.000.000 đồng.

Chi tiết thực hiện theo nội dung số 01, 02, 03, 04 tại điểm c, khoản 1, Mục III Chương trình ban hành kèm theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc; Thông tư số 02/2023/TT-UBDT ngày 21/8/2023 của Ủy ban Dân tộc và hướng dẫn của các Bộ, ngành liên quan.

### **2. Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị**

*2.1. Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân. (kế hoạch vốn: 99.000.000đ)*

- Hỗ trợ khoán bảo vệ rừng đối với diện tích rừng Nhà nước giao cho Ban quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ; diện tích rừng đặc dụng, rừng phòng hộ

được Nhà nước giao cho các tổ chức kinh tế theo quy định; diện tích rừng tự nhiên do Ủy ban nhân dân cấp xã trực tiếp quản lý;

- Hỗ trợ bảo vệ rừng đối với rừng quy hoạch là rừng phòng hộ và rừng sản xuất là rừng tự nhiên đã giao cho cộng đồng, hộ gia đình;

- Hỗ trợ khoanh nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung;

- Đối với diện tích đất được quy hoạch phát triển rừng sản xuất đã giao ổn định, lâu dài cho hộ gia đình được hỗ trợ một lần cho chu kỳ đầu tiên để trồng rừng sản xuất bằng loài cây lấy gỗ, cây lâm sản ngoài gỗ;

- Hỗ trợ trồng rừng phòng hộ đối với diện tích đất được quy hoạch trồng rừng phòng hộ đã giao cho hộ gia đình theo quy định hiện hành. Hộ gia đình được hưởng lợi từ rừng theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp và các quy định có liên quan;

- Trợ cấp gạo cho hộ gia đình nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số tham gia bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng có trồng bổ sung, trồng rừng sản xuất, phát triển lâm sản ngoài gỗ, trồng rừng phòng hộ.

Chi tiết thực hiện theo nội dung tại điểm a, khoản 3, Mục III Chương trình ban hành kèm theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc; Thông tư số 02/2023/TT-UBND ngày 21/8/2023 của Ủy ban Dân tộc và hướng dẫn của các Bộ, ngành liên quan.

*2.2. Tiêu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN. (kế hoạch vốn 520.000.000đ)*

- Nội dung số 01: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị. Chi tiết thực hiện theo nội dung số 1, điểm b, khoản 3, Mục III Chương trình ban hành kèm theo Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

**3. Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc Tổng kế hoạch vốn 2.449.700.000 trong đó vốn đầu tư 2.215.700.000đ, vốn sự nghiệp 234.000.000đ)**

Tiêu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN.

- *Nội dung số 01: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu vùng đồng bào DTTS&MN; ưu tiên đối với thôn đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn.*

+ Đầu tư xây dựng, cải tạo các công trình giao thông nông thôn phục vụ sản xuất, kinh doanh và dân sinh; công trình cung cấp điện phục vụ sinh hoạt và sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thôn, bản; trạm chuyên tiếp phát thanh xã, nhà sinh hoạt cộng đồng; trường, lớp học đạt chuẩn; các công trình thủy lợi nhỏ và các công trình hạ tầng quy mô nhỏ khác ưu tiên công trình có nhiều hộ nghèo, phụ nữ hưởng lợi; (*Nâng cấp đường Áng Hin, Bản Cuôn kế hoạch vốn 2.215.700.000đ*)

+ Duy tu, bảo dưỡng công trình cơ sở hạ tầng trên địa bàn đặc biệt khó khăn và công trình cơ sở hạ tầng các xã, thôn đã đầu tư từ giai đoạn trước.

( *Duy tu đường liên thôn Áng Hin* kế hoạch vốn 84.000.000đ ; *Sửa chữa nhà văn hóa thôn Nà Cầm* kế hoạch vốn 63.000.000đ; *Sửa chữa nhà văn hóa thôn Chè Cọ* kế hoạch vốn 87.000.000đ)

Chi tiết thực hiện theo nội dung tại điểm a, khoản 4, Mục III Chương trình ban hành kèm theo Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc, Thông tư số 02/2023/TT-UBDT ngày 21/8/2023 của Ủy ban Dân tộc và hướng dẫn của các Bộ, ngành liên quan.

#### **4. Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em (kế hoạch vốn: 157.000.000đ)**

- Hoạt động tuyên truyền, vận động thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” góp phần xóa bỏ các định kiến và khuôn mẫu giới trong gia đình và cộng đồng, những tập tục văn hóa có hại và một số vấn đề xã hội cấp thiết cho phụ nữ và trẻ em.

- Xây dựng và nhân rộng các mô hình thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ; thúc đẩy bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết của phụ nữ và trẻ em.

- Đảm bảo tiếng nói và sự tham gia thực chất của Phụ nữ và Trẻ em trong các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội của cộng đồng, giám sát và phản biện; hỗ trợ phụ nữ tham gia lãnh đạo trong hệ thống chính trị.

- Trang bị kiến thức về bình đẳng giới, kỹ năng thực hiện lồng ghép giới cho cán bộ trong hệ thống chính trị, già làng, trưởng bản, chức sắc tôn giáo và người có uy tín trong cộng đồng.

Chi tiết thực hiện theo khoản 8, Mục III Chương trình ban hành kèm theo Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của các Bộ, ngành liên quan.

#### **5. Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm DTTS rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn (kế hoạch vốn 1.800.000đ)**

*Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số*

- Công tác truyền thông

+ Cung cấp tài liệu, tập huấn về kiến thức, kỹ năng truyền thông, vận động, tư vấn pháp luật liên quan về hôn nhân và gia đình;

+ Tổ chức các hội nghị lồng ghép, hội thảo, tọa đàm, giao lưu văn hóa nhằm tuyên truyền hạn chế tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số;

+ Tổ chức các hội thi tìm hiểu pháp luật về hôn nhân, về tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống.

- Bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức công tác dân tộc, đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật

+ Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật và kỹ năng truyền thông, vận động, tư vấn pháp luật liên quan về hôn nhân, dân số và gia đình cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác dân tộc, đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật tại địa phương;

+ Hỗ trợ, cung cấp tài liệu, sản phẩm truyền thông liên quan về hôn nhân, dân số và gia đình cho các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện tuyên truyền và ngăn ngừa tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống ở vùng đồng bào DTTS&MN;

+ Tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm, giao lưu, thăm quan, học hỏi kinh nghiệm nhằm nâng cao năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ, kiến thức, kỹ năng truyền thông, vận động, tư vấn pháp luật cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác dân tộc, đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật tại trung ương, địa phương.

- Tăng cường các hoạt động tư vấn, can thiệp lồng ghép với các chương trình, dự án, mô hình chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe bà mẹ, trẻ em, dân số kế hoạch hóa gia đình, dinh dưỡng, phát triển thể chất có liên quan trong lĩnh vực hôn nhân nhằm giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống.

- Triển khai mô hình tại các xã có tỷ lệ tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống cao.

- Kiểm tra, đánh giá, sơ kết, tổng kết việc thực hiện Mô hình, Dự án và thực hiện các chính sách.

Chi tiết thực hiện theo nội dung điểm b, khoản 9, Mục III Chương trình ban hành kèm theo Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc, Thông tư số 02/2023/TT-UBDT ngày 21/8/2023 của Ủy ban Dân tộc và hướng dẫn của các Bộ, ngành liên quan.

## **6. Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình (kế hoạch vốn 2.000.000đ)**

*Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình*

- Tuyên truyền, biểu dương, thi đua, khen thưởng gương điển hình tiên tiến trong thực hiện Chương trình;

- Tổ chức giám sát đầu tư của cộng đồng, huy động người dân tham gia giám sát cộng đồng; tổ chức giám sát, phản biện xã hội đối với các chính sách của Chương trình;

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các dự án, tiểu dự án định kỳ, hằng năm hoặc đột xuất; hội nghị triển khai, sơ kết, tổng kết; tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm, tập huấn...

### **III. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

- Tổng kế hoạch vốn thực hiện Chương trình năm 2024 là 3.347.500 triệu đồng (*chưa bao gồm nguồn vốn năm 2022, 2023 chuyển nguồn*), trong đó: Vốn đầu tư 2.245.700 triệu đồng (*NSTW 2.093.900 triệu đồng, NSDP 121.800 triệu đồng*); Vốn sự nghiệp 1.131.800 triệu đồng (*NSTW 1.055.600 triệu đồng, NSDP 76.200 triệu đồng*) giao tại Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 05/01/2024 của UBND xã Côn Minh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2024.

- Lồng ghép kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình dự án khác trên địa bàn xã.

- Nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội của Trung ương.

- Huy động nguồn lực xã hội hóa từ đóng góp của các cá nhân, tổ chức, đơn vị và các nguồn lực hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

### **IV. GIẢI PHÁP**

**1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp, sự phối hợp của các ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể trong việc thực hiện Chương trình**

- Nâng cao trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền các cấp, đặc biệt là người đứng đầu trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ công tác dân tộc, các chương trình, chính sách triển khai trên địa bàn huyện.

- Cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội các cấp làm tốt công tác tuyên truyền để cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên, doanh nghiệp, hợp tác xã và nhân dân nhận thức rõ Chương trình là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của doanh nghiệp, hợp tác xã và cộng đồng xã hội. Nâng cao ý thức, trách nhiệm của các chủ thể trong việc triển khai thực hiện Chương trình.

**2. Tập trung huy động, quản lý và sử dụng nguồn lực Chương trình. Ưu tiên đầu tư đối với thôn đặc biệt khó khăn**

- Huy động các nguồn lực, khai thác tối đa, tiềm năng, lợi thế vùng DTTS&MN. Tập trung chỉ đạo, triển khai thực hiện có hiệu quả các dự án thành phần thuộc Chương trình;

- Quản lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn được phân bổ theo đúng mục tiêu của Chương trình, lồng ghép với các nguồn vốn khác để thực hiện mục tiêu Chương trình; công khai, minh bạch các nguồn vốn, thực hiện theo thứ tự ưu tiên, không dàn trải.

**3. Đẩy mạnh phát triển kinh tế, ổn định đời sống nhân dân vùng đồng bào DTTS và các vùng đặc biệt khó khăn**

- Triển khai đầy đủ, kịp thời các nội dung, tiểu dự án, dự án. Tập trung giải quyết có hiệu quả những vấn đề bức thiết về nhà ở, nước sinh hoạt ở địa bàn đặc biệt khó khăn; nâng cao hiệu quả, chất lượng đầu tư các chương trình, dự án; mở rộng vốn tín dụng ưu đãi đối với các dự án phát triển sản xuất, kinh doanh;

- Phát triển nông, lâm nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, mở rộng liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, gắn với xây dựng nông thôn mới; phát huy thế mạnh của từng địa phương, phù hợp với văn hóa, tập quán từng dân tộc. Từng bước hình thành, phát triển các vùng chuyên canh cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng và giá trị kinh tế cao; đẩy mạnh khoa học - công nghệ và khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; nhân rộng các mô hình sản xuất hiệu quả trên địa bàn tỉnh. Chú trọng phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã; thực hiện tốt chính sách, định mức khoán bảo vệ rừng, tạo sinh kế cho người dân sống gần rừng, bảo vệ môi trường sinh thái, không gian sinh sống của đồng bào;

- Ưu tiên tập trung nguồn lực để đầu tư cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn, xã ATK thực hiện chính sách hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất, đời sống, đảm bảo phát huy hiệu quả của các dự án đầu tư gắn với phát triển sản xuất, tăng khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản về y tế, giáo dục, việc làm, nước sinh hoạt, vệ sinh môi trường, thông tin và các dịch vụ xã hội khác cho đồng bào DTTS, người nghèo, cận nghèo.

#### **4. Nâng cao năng lực, kiểm tra, giám sát, đánh giá Chương trình**

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho cán bộ thực hiện Chương trình các cấp.

- Tăng cường sự phối hợp giữa các ngành, các cấp chủ động chỉ đạo, triển khai, hướng dẫn các nội dung theo chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị. Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá công tác tổ chức thực hiện để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; đồng thời phát hiện, ngăn chặn kịp thời các biểu hiện tiêu cực, lãng phí, xử lý nghiêm các vi phạm liên quan đến việc thực hiện Chương trình.

- Định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện; biểu dương khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu trong thực hiện Chương trình. Thực hiện tốt chế độ thông tin báo cáo theo định kỳ.

### **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **1. Thành viên Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG xã**

Căn cứ chức năng nhiệm vụ của đơn vị để tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện các nội dung, nhiệm vụ theo lĩnh vực được phân công theo quy định.

#### **2. Văn hóa- xã hội (phụ trách chương trình)**

- Thực hiện chức năng cơ quan tổng hợp chung Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn xã

- Chủ trì, phối hợp với các công chức liên quan, các thôn bản tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch.

- Trong quá trình triển khai thực hiện cần thiết phải điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp với thực tế của địa phương và hướng dẫn của trung ương, của tỉnh, Văn hóa – xã hội phối hợp với công chức được phân công phụ trách các nội dung, tiểu dự án, dự án thành phần và các thôn tham mưu, báo cáo, đề xuất UBND xã xem xét, quyết định.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, ban, ngành liên quan xây dựng và tổ chức kiểm tra việc thực hiện kế hoạch; tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

### **3. Công chức Tài chính – kế toán xã**

- Hướng dẫn về cơ chế quản lý, sử dụng, thanh quyết toán các nguồn kinh phí thực hiện Chương trình. Đồng thời, tổng hợp quyết toán kinh phí thực hiện Chương trình theo đúng quy định hiện hành.

- Tổng hợp, báo cáo kết quả giải ngân nguồn vốn đầu tư, vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình.

### **4. Các cơ quan, đơn vị phối hợp thực hiện dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc Chương trình**

- Căn cứ nhiệm vụ, nguồn vốn được giao và nhiệm vụ, chỉ tiêu, hướng dẫn của cấp trên chủ động tham mưu, phối hợp xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện;

- Hướng dẫn cơ sở triển khai, tổ chức thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ, nội dung dự án, tiểu dự án đảm bảo không chồng chéo, trùng lặp với các chương trình, dự án khác và nhiệm vụ thường xuyên của các địa phương.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện nguồn lực, các chỉ tiêu, nhiệm vụ, nội dung thành phần của dự án, tiểu dự án, nội dung chủ trì quản lý

- Huy động và lồng ghép các nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ được phân công. Tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện các dự án, tiểu dự án thành phần chủ trì quản lý theo định kỳ hoặc đột xuất (nếu có) gửi về UBND xã (qua Công chức Văn hóa - xã hội) để tổng hợp theo quy định.

### **5. Đài truyền thanh xã**

Tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận thức về tầm quan trọng, ý nghĩa của công tác dân tộc, chính sách cho vùng DTTS&MN; tuyên truyền các mô hình, cách làm hay, sáng tạo, có hiệu quả trong đồng bào DTTS; tuyên truyền về kết quả hoạt động giảm nghèo, thông qua đó nâng cao trách nhiệm và nỗ lực thoát nghèo trong đồng bào DTTS và cho toàn xã hội...

### **6. Đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội xã**

- Tổ chức thực hiện giám sát, phản biện xã hội trong quá trình thực hiện Chương trình tại các cơ quan, đơn vị, cơ sở theo quy định; phối hợp tổ chức vận động các nguồn vốn xã hội hóa cho Chương trình.



- Tuyên truyền nhân rộng các gương tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến và phong trào thi đua thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN năm 2024 của UBND xã Côn Minh, các cơ quan, đơn vị liên quan, các thôn bản triển khai thực hiện./.

**Nơi nhận:**

*Gửi bản điện tử:*

- Văn phòng UBND huyện (b/c);
- TT ĐU, HĐND xã (b/c);
- CT, PCT UBND xã;
- UBMTTQVN và các đoàn thể xã;
- Công TTĐT huyện;
- Các thôn bản;
- Lưu: VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Sầm Văn Thường**

**CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2024**

**Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; giai đoạn I từ năm 2021 đến năm 2025**

*(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 03 năm 2024 của Ủy ban nhân dân xã Côn Minh*

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2024	Đơn vị chủ trì theo dõi, đánh giá, đề xuất	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Thu nhập bình quân đầu người của người DTTS	Triệu đồng/tháng	Đánh giá cuối giai đoạn		
2	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào DTTS	%	3,0	Văn hóa - xã hội	
3	Tỷ lệ lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề	%	68		
4	Số người được hỗ trợ đào tạo nghề trong Chương trình	Lượt người	58		
5	Phân đấu số xã ra khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn	xã	Đánh giá cuối giai đoạn	Địa chính NNXD&MT	
6	Phân đấu số thôn ra khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn	thôn	Đánh giá cuối giai đoạn		Số thôn của xã khu vực I và II
7	Tỷ lệ đồng bào DTTS được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh	%	98		
8	Tỷ lệ hộ DTTS đang cư trú tại các khu vực xa xôi, hẻo lánh, nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở được qui hoạch, sắp xếp, di dời, bố trí	%	0		
9	Số hộ được hỗ trợ nước sinh hoạt				Do Ban Quản lý dự án ĐTXD Công trình NN&PTNT tỉnh Bắc Kạn làm chủ đầu tư
-	<i>Số hộ hưởng nước sinh hoạt tập trung</i>	Hộ	0		
10	Số công trình nước sinh hoạt tập trung được xây dựng	Công trình	2		
11	Số hộ được giải quyết đất ở	Hộ	0	Địa chính NNXD&MT	
12	Số hộ được hỗ trợ trực tiếp đất sản xuất	Hộ	0		
13	Tỷ lệ hộ di cư không theo quy hoạch được sắp xếp, bố trí ổn định	%	0		
14	Bố trí, sắp xếp ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn và khu vực cần thiết khác .	Hộ	0		

15	Số hộ không có hoặc thiếu đất sản xuất được hỗ trợ giải quyết sinh kế, chuyển đổi nghề	Hộ	0		
16	Số người có uy tín trong cộng đồng làm hạt nhân chính trị, nòng cốt ở cơ sở được hỗ trợ, tạo điều kiện thực hiện nhiệm vụ	Lượt người	14	Văn hóa - xã hội	
17	Tỷ lệ hộ DTTS nghèo, hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống ở xã ĐBK, thôn ĐBK không có hoặc thiếu đất sản xuất được hỗ trợ trực tiếp bằng đất sản xuất hoặc hỗ trợ chuyển đổi nghề	%	04 hộ		
18	Số hộ được hỗ trợ nước sinh hoạt				
-	<i>Số hộ hưởng nước sinh hoạt phân tán</i>	<i>Hộ</i>	26		
19	Tỷ lệ dự án đầu tư cơ sở hạ tầng thực hiện theo cơ chế đầu tư đặc thù (có sự đóng góp, tham gia thực hiện của cộng đồng người dân)	%	82.76%	Địa chính NNXD&MT	
20	Tỷ lệ xã có đường ô tô đến trung tâm xã đạt cấp 6 trở lên	%	0		
21	Tỷ lệ thôn có đường ô tô đến trung tâm được cứng hóa	%	86,92		
22	Số km đường giao thông nông thôn được nhựa hóa, bê tông hoá hoặc cứng hóa	Km	18.939		
23	Tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp	%	98		
24	Tỷ lệ thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng	%	100		
25	Số hộ được giải quyết nhà ở	Hộ	0		
26	Tỷ lệ thanh niên DTTS được tiếp cận thông tin thông qua mô hình CLB “thủ lĩnh của sự thay đổi”	Người	100	Hội LHPN xã	
27	Tỷ lệ người dân ở vùng DTTS&MN tiếp cận thông tin về BĐG thông qua các hoạt động truyền thông dựa vào cộng đồng	%	100		